TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST Ngày 25 - 9 - 2020 V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con sau khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon;
2. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07, 25 tháng 9 năm 2020; tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020; về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con sau khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Tuyết N, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Số 404/47, khóm X, phường Y, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh D, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Bùi Tuyết N có mặt, anh Nguyễn Thanh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp - hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Bùi Tuyết N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh D sau thời gian quen biết, tự tìm hiểu thì làm đám cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Y, thị xã S (nay thành phố S), tỉnh Đồng Tháp vào ngày 10/11/2006. Việc kết hôn là tự nguyện, không bị

cưỡng ép, lừa dối. Thời gian đầu chung sống với nhau 10 năm thì anh chị có cuộc sống gia đình hạnh phúc; nhưng sau đó thì anh chị phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; do anh D thường xuyên cờ bạc, ăn chơi phung phí, không lo làm ăn dẫn đến nợ nần chồng chất, không quan tâm gì đến vợ con. Từ ngày 30/4/2019, chị N và anh D sống ly thân cho đến nay. Tuy nhiên, đến nay anh chị vẫn không hàn gắn, đoàn tụ với nhau được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Bùi Tuyết N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Thanh D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị N và anh D có 02 con chung tên Nguyễn D C, sinh ngày: 20/8/2007 và Nguyễn Duy M, sinh ngày: 07/11/2015. Khi ly hôn chị N yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu C, cháu M đang sống chung với chị N.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn anh Nguyễn Thanh D:* Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho anh D các thủ tục về tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; tuy nhiên, anh D vẫn cố tình không đến tham gia tố tụng và không trình bày ý kiến cho Tòa án.

- *Theo biên bản lấy lời khai đối với chị Nguyễn Thị Kim H ngày 07/8/2020, chị H khai:* Chị là em ruột của anh Nguyễn Thanh D, gia đình có biết việc chị N và anh D không chung sống với nhau gần 01 năm nay, gia đình có nhận được các văn bản do Tòa án tống đạt giao tận tay cho anh D, hiện nay anh D vẫn đi đi, về về (sáng đi làm, chiều tối mới về nhà tại Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp), gia đình có kêu anh D xuống Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh D không chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa đối với anh Nguyễn Thanh D; nhưng anh D không đến tham gia tố tụng và không trình bày ý kiến cho Tòa án; do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh D là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nội dung tranh chấp giữa chị Bùi Tuyết N và anh Nguyễn Thanh D làm phát sinh "Ly hôn, tranh chấp nuôi con sau khi ly hôn" được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định pháp luật; về thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị N và anh D được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị cưỡng ép hoặc lừa dối; anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014**.** Tại phiên tòa hôm nay chị N yêu cầu ly hôn với anh D, nhưng anh D không có văn bản trình bày ý kiến về việc ly hôn với chị N, nên làm phát sinh việc tranh chấp ly hôn theo quy định pháp luật.

Xét việc chị N và anh D ly thân từ ngày 30/4/2019 đến nay mà không có hàn gắn tình cảm lại được; nguyên nhân do anh chị bất đồng ý kiến với nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng phát sinh gay gắt, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay, chị N xác định không còn tình cảm gì với anh D, nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh D là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*.

Vì vậy căn cứ vào quy định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Tuyết N đối với anh Nguyễn Thanh D là phù hợp.

[4] Về nuôi con chung: Chị Bùi Tuyết N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu Nguyễn D C, sinh ngày: 20/8/2007 và Nguyễn Duy M, sinh ngày: 07/11/2015 và không yêu cầu anh Nguyễn Thanh D cấp dưỡng nuôi con; anh D không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng cháu C, cháu M.

Xét thấy, chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, cháu M từ khi chị N và anh D ly thân; thời gian qua chị N đã làm tròn nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc cháu C, cháu M; hiện nay chị N đang có thu nhập ổn định đủ để nuôi con. Mặt khác, cháu C đã có văn bản trình bày ý kiến muốn tiếp tục sống chung với chị N; vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, về việc yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Duy C, sinh ngày: 20/8/2007 và Nguyễn Duy M, sinh ngày: 07/11/2015 là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, giao cho chị Bùi Tuyết N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Duy C, sinh ngày: 20/8/2007 và Nguyễn Duy M, sinh ngày: 07/11/2015, đến khi cháu C, cháu M mỗi cháu đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị N không có yêu cầu là phù hợp tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Chị N thống nhất không có; anh D không có văn bản trình bày ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Trường hợp sau này chị N và anh D thỏa thuận không được hoặc có yêu cầu giải quyết, thì sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[6] Về nợ chung: Chị N trình bày không có; anh D không có văn bản trình bày ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Tuyết N đối với anh Nguyễn Thanh D, về việc yêu cầu ly hôn và nuôi con theo quy định pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Bùi Tuyết N là nguyên đơn khởi kiện thì phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000đồng. Anh D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 227, 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Tuyết N đối với anh Nguyễn Thanh D (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 185/06, quyển số 1, ngày 10/11/2006, của UBND phường Y, thị xã S (nay thành phố S), tỉnh Đồng Tháp).

- Về nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Tuyết N; giao cho chị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Duy C, sinh ngày: 20/8/2007 và Nguyễn Duy M, sinh ngày: 07/11/2015, đến khi cháu C, cháu M mỗi cháu đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Thanh D khỏi phải cấp dưỡng nuôi con, do chị N không có yêu cầu.

Anh Nguyễn Thanh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Tuyết N và anh Nguyễn Thanh D không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết; khi nào anh chị có yêu cầu thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Bùi Tuyết N phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số BI/2019/0001922, quyển số 39 ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Nguyễn Thanh D không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS H. Thanh Bình;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Giang